

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v “Tranh chấp hợp đồng nợ
hối”

đó vợ chồng ông X, bà Ng tham gia 01 phần và dây hụi đến tháng 4/2023 mãi. Đến ngày 15/12/2020 vợ chồng ông X hốt hụi số tiền 38.500.000đồng, trừ 500.000đồng cho đầu thảo, còn lại bà Ng ký nhận số tiền 38.000.000đồng, đến tháng 01/2021 vợ chồng ông X đóng được 01 lần số tiền 2.000.000đồng thì ngưng không đóng tiếp. Nay bà yêu cầu ông X, bà Ng trả tiền hụi chết chưa đóng từ tháng 02/2021 đến tháng 6/2022 là 17 tháng, mỗi tháng 2.000.000đồng, tổng số tiền 34.000.000đồng.

Bị đơn ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Ánh Ng, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án số 72/2021/TB-TLVA ngày 28/6/2022 và niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông X và bà Ng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên -Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng nợ hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định Điều 203 BLTTDS; Thẩm phán thu thập chứng cứ theo quy định Điều 96, 97, 98 BLTTDS.

Hội đồng xét xử vẫn đảm bảo theo quy định. Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 BLTTDS.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy: Vợ chồng ông X, bà Ng tham gia dây hụi do bà S làm đầu thảo từ ngày 15/8/2020, đến ngày 15/12/2020 vợ chồng ông X hốt hụi số tiền 38.000.000đồng. Sau khi hốt hụi vợ chồng ông X đóng lại tiền hụi được 01 kỳ số tiền 2.000.000đồng thì không đóng tiếp. Trong quá trình giải quyết bà S cung cấp biên nhận về việc ông X đã nhận tiền hụi và xác nhận có nợ bà S số tiền 48.000.000đồng. Xét thấy tại thời điểm nhận tiền ông X, bà Ng là vợ chồng đang chung sống với nhau, cùng đứng chung phần hụi và tiền dùng chung trong gia đình. Cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông X, bà Ng vắng mặt không có ý kiến phần nợ hụi này, do đó bà S yêu cầu vợ chồng ông X, bà Ng trả tiền hụi chết từ tháng 02/2021 đến tháng 06/2022 là 17 tháng x 2.000.000đồng /tháng = 34.000.000đồng là có cơ sở.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 quy định án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Ánh Ng, Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-DS ngày 08/8/2022 và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS ngày 25/8/2022 hợp lệ, nhưng ông X và bà Ng cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.2] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị S cung cấp cho 01 giấy mượn tiền ngày 05/01/2021 của ông X, bà Ng và 01 hợp đồng góp vốn làm ăn ngày 15/8/2020. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị S yêu cầu trả tiền nợ hui, nên xác định yêu cầu khởi kiện giữa bà Nguyễn Thị S với ông Lê Văn X, bà Nguyễn Thị Ánh Ng là “Tranh chấp hợp đồng nợ hui”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy ngày 15/8/2020 dương lịch bà S làm đầu thảo, lập hợp đồng góp vốn làm ăn (loại hình hui) gồm có 30 hui viên, trong đó có ghi tên “3 sảng” và bà Ng tham gia 01 phần, đây hui khai lần thứ nhất ngày 15/8/2020, giao tiền hui ngày 20/8/2020 dương lịch và đây hui mãi vào tháng 4/2023. Cho đến lần thứ 5 ngày 15/12/2020 ông X, bà Ng bỏ thăm trúng hui hót 38.500.000đồng, trừ hoa hồng cho đầu thảo 500.000đồng, còn lại bà Nguyễn Thị Ng ký nhận số tiền 38.000.000đồng được thể hiện trong hợp đồng góp vốn làm ăn ngày 15/8/2020 do bà S cung cấp là có cơ sở.

[2.2] Về số tiền đóng hui, tại phiên tòa bà S khai sau khi vợ chồng ông X hót hui thì đến lần thứ 6 ngày 15/01/2021 ông X, bà Ng đóng lại hui chết số tiền 2.000.000đồng thì vợ chồng ông ngưng không đóng tiếp. Xét thấy trong hợp đồng có ghi: “...Từ ngày nhận tiền xong, 1 tháng trả lại 1 lần đến hết, mỗi lần là 2.000.000đồng...” như vậy giữa bà S với các hui viên có thỏa thuận nếu hui viên nào đã hót hui thì kỳ khai hui tiếp theo hui viên đó có nghĩa vụ đóng lại hui chết, nhưng ông X, bà Ng đóng được 01 lần hui chết vào tháng 01/2021 cho bà S với số tiền 2.000.000đồng, còn lại đến kỳ khai hui tiếp theo lần thứ 07 tức tháng 02/2021 đến tháng 06/2022 ông X, bà Ng không tiếp tục đóng hui chết cho bà S là vi phạm nghĩa vụ đối với bà S. Ngoài ra ông X, Tòa án niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ý kiến của bà S yêu cầu trả tiền hui, nhưng đến nay ông X không có văn bản hay ý kiến gì về việc yêu cầu của bà S, cũng như ông X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, vì vậy bà S yêu cầu ông X trả tiền hui chưa đóng từ tháng 02/2021 đến tháng 06/2022 là 17 tháng x 2.000.000đồng/01

tháng = 34.000.000đồng là có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[2.3] Đối với bà Nguyễn Thị Ng. Xét thấy trong hợp đồng góp vốn làm ăn ngày 15/8/2020 của bà S cung cấp có ghi nội dung: "...Nguyễn Thị Ng có nhận 38.000.000đồng ký tên...", như vậy có cơ sở xác định bà Ng và ông X cùng đứng tên chung đây hui ngày 15/8/2020 dương lịch là có cơ sở. Ngoài ra, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và yêu cầu của bà S, nhưng đến nay bà Ng không có văn bản hay ý kiến gì về việc bà S yêu cầu trả tiền hui, cũng như bà Ng vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó bà S yêu cầu bà Ng và ông X có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui từ tháng 02/2021 đến tháng 6/2022 là phù hợp theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về lãi suất, tại phiên tòa bà S không yêu cầu ông X và bà Ng trả lãi, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông X, bà Ng vắng mặt suốt và không có đơn xin miễn giảm tiền án phí. Nên ông X, bà Ng có nghĩa vụ trả nợ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Còn đối với bà Nguyễn Thị S yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nhưng bà S người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng Điều 12, 16 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

1.Buộc ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị Ánh Ng có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị S tiền hui là 34.000.000đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: ông Lê Văn X, bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải chịu 1.700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H